

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20/7/2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỶ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1993;

Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bi đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1996;

Đăng ký HKTT: thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện tại: thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974, trú tại: thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963, trú tại: thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Anh H, bà L có mặt, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/5/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Nguyễn Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2014, sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng anh tại gia đình anh ở thôn L, xã V, huyện T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2016, chị T đi bán hàng tại thành phố Hải Dương, sau đó không biết vì lý do gì mà chị T không về chung sống cùng anh nữa. Anh nhiều lần gọi điện cũng như gặp gỡ để động viên chị T về sống cùng anh và nuôi con nhưng chị T không về mà chỉ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Q,

huyện T rồi lại đi. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân nhau, chị T đi đâu, làm gì anh không biết, cũng không quan tâm gì đến anh và con. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Anh và chị T có một con chung là Nguyễn Bảo Linh, sinh ngày 28/6/2014. Từ khi chị T bỏ đi, con vẫn do anh nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản, tài liệu cho bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích T và nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh H.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã V, đại diện Hội phụ nữ xã, Tư pháp xã và trưởng thôn L, xã V để xác minh tình trạng hôn nhân của anh H và chị T. Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2017, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện ban, hội của địa phương đều xác nhận chị T chung sống cùng anh H một thời gian thì bỏ đi khỏi gia đình, theo dư luận thì chị T thường giao du với một số thành phần xấu trong xã hội, không quan tâm đến chồng con. Nay anh H xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị T và giao con cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu nhỏ.

Người làm chứng là bà Phạm Thị T (là mẹ chị T) trình bày từ giữa năm 2016, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Q, huyện T sống, sau đó thường xuyên vắng nhà và đi lang thang với đám bạn xấu. Bà và chồng bà đã nhiều lần động viên, khuyên giải để chị T về chung sống với anh H nhưng chị T không nghe. Từ khi bỏ đi khỏi nhà chồng, chị T không quan tâm gì đến chồng con nhưng anh H vẫn chăm sóc con tốt.

Người làm chứng là bà Phạm Thị L (mẹ anh H) trình bày từ tháng 3/2016, chị T xin phép đi làm ở thành phố Hải Dương rồi không về sống cùng anh H nữa. Bà đã nhiều lần gọi điện động viên chị T về sống cùng chồng con nhưng chị T không về. Từ khi chị T bỏ đi, bà là người trực tiếp giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc con.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh H đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 12/7/2017, bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích T đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị T và giải quyết việc nuôi con chung, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác. Chị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã

thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H có mặt, chị T vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền- nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ hôn nhân xử cho anh H ly hôn chị T; Về con chung xử giao cháu Nguyễn Bảo Linh cho anh H nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H; Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T vào ngày 09/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì chị T bỏ đi khỏi nhà và không về chung sống cũng như không quan tâm đến anh H nữa, anh chị ly thân nhau từ đó đến nay. Chị T nhiều lần được triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh H nhưng không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ cũng đề nghị HĐXX xử cho anh H được ly hôn chị T. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Mặc dù con chung của anh H và chị T còn nhỏ (sinh ngày 28/6/2014) nhưng theo lời khai của anh H và những người làm chứng, từ khi chị T bỏ đi đến nay, con vẫn do anh H nuôi dưỡng, chị T không quan tâm đến con, quan điểm của anh H đề nghị được nuôi con. Đại diện UBND xã V (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương) cũng đề nghị Tòa án giao con cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu nhỏ. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo Linh cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H, xử cho anh Nguyễn Trung H ly hôn chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Trung H tiếp tục nuôi con là Nguyễn Bảo Linh, sinh ngày 28/6/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AB/2014/0001905 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Hương Nhu